TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST
Ngày 09-3-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Ba

2. Bà Lê Thị Kiều Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 479/2020/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên toà số 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1984; Thường trú: Số 339, đường Đ, tổ H, thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Vũ Tr, sinh năm 1987; Thường trú: Số 339, đường Đ, tổ H, thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Chị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Tr vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Vũ Tr có thời gian tìm hiểu nhau 01 năm rồi tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58 quyển số 01/2009 cấp ngày 17/12/2009. Việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số 339, đường Đ, tổ H, thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đươc 01 thời thì

phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Tr không đi làm kiếm tiền chăm lo cho gia đình, nếu có công việc thì cũng là công việc không ổn định, lúc làm lúc nghỉ. Anh Tr cũng thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, nhiều lần về đánh chị H. Một mình chị H phải gánh vác lo lắng cho các con. Vợ chồng anh chị cũng thường xuyên cãi nhau về vấn đề tiền bạc và về việc anh Tr hay đi uống rượu say xỉn. Anh chị vẫn sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc nhau và đã ly thân nhau từ tháng 10/2020. Nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Vũ Tr.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Vũ Gia H, sinh ngày 27/01/2011; Nguyễn Gia H, sinh ngày 24/10/2013. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện, chị H yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/01con/01 tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Nay chị H không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Vũ Tr đã được Toà án thông báo tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh Nguyễn Vũ Tr không đến Toà án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ngày 11/01/2021, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Vũ Tr tại địa phương và được cung cấp: Chị H và anh Tr là vợ chồng. Anh Tr có thường xuyên uống rượu, còn việc vợ chồng có mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án: nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ Gia H, sinh ngày 27/01/2011 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 24/10/2013 cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Thanh H không yêu cầu anh Nguyễn Vũ Tr cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 23/02/2021 và ngày 09/3/2021 nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Vũ Tr tìm hiểu nhau 01 năm thì tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58 quyển số 01/2009 ngày 17/12/2009 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị Thanh H cho rằng anh Tr không đi làm kiếm tiền chăm lo cho gia đình, nếu có công việc thì cũng là công việc không ổn định, lúc làm lúc nghỉ. Anh Tr cũng thường xuyên uống rượu say xỉn, nhiều lần về đánh chị H. Một mình chị H phải gánh vác lo lắng cho các con. Vợ chồng anh chị cũng thường xuyên cãi nhau về vấn đề tiền bạc và về việc anh Tr hay đi uống rượu say xỉn. Anh chị vẫn sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc nhau và đã ly thân nhau từ tháng 10/2020 đến nay.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Vũ Tr đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Nguyễn Vũ Tr không có mặt, chị Nguyễn Thị Thanh H cũng có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải với anh Nguyễn Vũ Tr. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của anh chị đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc anh Nguyễn Vũ Tr bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị Nguyễn Thị Thanh H cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Vũ Tr đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh H.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Vũ Gia H, sinh ngày 27/01/2011; Nguyễn Gia H sinh ngày 24/10/2013.

Xét, trong suốt quá trình tố tụng, anh Tr vắng mặt nên không có ý kiến về việc nuôi con chung. Bên cạnh đó, theo nguyện vọng của 02 cháu Nguyễn Vũ Gia H và Nguyễn Gia H, khi cha mẹ ly hôn 02 cháu muốn được sống cùng với chị H. Xét thấy, khi giải quyết ly hôn, việc giao con cho cha hay mẹ nuôi thì phải đảm bảo được sự phát triển toàn diện về mọi mặt cho đứa trẻ. Từ những nhận định trên, giao 02 con chung cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Nguyễn Thị Thanh H đối với anh Nguyễn Vũ Tr và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H đối với anh Nguyễn Vũ Tr về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Vũ Tr.

- Về con chung: Anh Nguyễn Vũ Tr có trách nhiệm giao 02 con chung tên Nguyễn Vũ Gia H, sinh ngày 27/01/2011 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 24/10/2013 cho chị Nguyễn Thị Thanh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Vũ Tr đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Tr lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị H nuôi con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004076, ngày 09/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Chị Nguyễn Thị Thanh H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung